

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/DS-ST

Ngày 16 - 12 - 2020

V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ngọc Hà, bà Lê Thị Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh L.

- Đại diện VKSND huyện D, tỉnh L tham gia phiên tòa: Ông K' Dem - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh L. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 149/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2020, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2020/QĐST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Ánh T; sinh năm 1979; địa chỉ: đường H, thị trấn D, huyện D, tỉnh L. Có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Thế Đ; sinh năm 1984; địa chỉ: Đường C; Tổ dân phố Đ, thị trấn D, huyện D, tỉnh L. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị U; sinh năm 1991; địa chỉ: Đường Phan Bội Châu; Tổ dân phố 9, thị trấn D, huyện D, tỉnh L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 03/3/2020 và đơn khởi kiện ghi ngày 30/7/2020 và lời khai của chị Lê Ánh T trong giai đoạn chuẩn bị xét xử có nội dung:

Ngày 12/9/2017 anh Đ ký giấy vay của chị T 72.000.000 đồng, thỏa thuận trả góp hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng và không phải trả lãi. Từ khi vay đến tháng 02/2019, anh Đ trả được 16 lần với tổng số tiền 48.000.000 đồng. Vì vậy, chị T khởi kiện yêu cầu anh Đ trả toàn bộ số tiền còn nợ 24.000.000 đồng nợ gốc cùng nợ lãi mức 0,95%/tháng tính từ tháng 02/2019.

Tại phiên tòa, chị T khai: Thời điểm tháng 9/2017 chị T sinh sống tại số nhà 10/47A, đường C, thị trấn D và ở gần nhà của vợ chồng anh Đ, chị U. Do là hàng xóm nên vợ chồng anh Đ, chị U cùng đến hỏi vay của chị T 72.000.000 đồng để làm nhà ở, thỏa thuận trả góp hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận, ngày 12/9/2017 chị T giao cho anh Đ 72.000.000 đồng và anh Đ ký giấy vay tiền do chị T viết. Từ đó đến tháng 2 năm 2019, chị U trực tiếp trả cho chị T 16 lần được 48.000.000 đồng. Chị T thừa nhận khoản vay là nợ chung của anh Đ, chị U nhưng do anh Đ là người trực tiếp nhận tiền và ký giấy vay tiền, nay anh Đ và chị U đã ly hôn và hiện anh Đ quản lý tài sản chung của anh Đ, chị U. Vì vậy, chị khởi kiện yêu cầu cá nhân anh Đ trả toàn bộ số tiền còn nợ 24.000.000 đồng nợ gốc cùng nợ lãi mức 0,83%/tháng tính từ tháng 11/2019 đến tháng 11/2020 là 2.390.000 đồng nợ lãi. Chị T khẳng định không có yêu cầu gì đối với chị U trong vụ án này.

Chứng cứ chứng minh là bản chính văn bản viết tay có tiêu đề “Giấy vay mượn tiền” ghi ngày 12 tháng 09 năm 2017 được anh Đ ký tên.

Bị đơn anh Phạm Thế Đ khai:

Anh và chị U là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Quyết định số: 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh. Trong thời gian vợ chồng chung sống, chị U có chơi huê do chị T là chủ huê, ngày 12/9/2017 chị U hót huê nhưng không có ở nhà nên nhờ anh nhận của chị T 72.000.000 đồng và anh có ký giấy do chị T viết, nội dung vợ chồng anh vay của chị T số tiền 72.000.000 đồng, trả góp mỗi tháng 3.000.000 đồng. Sau đó anh đã giao toàn bộ 72.000.000 đồng cho chị U. Nay anh xác định trách nhiệm trả nợ là của cá nhân chị U nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị U đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh xác định Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc anh Đ trả cho chị T 24.000.000 đồng nợ gốc và 2.390.000 đồng nợ lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của đại diện Viện kiểm sát và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị U đều vắng mặt. Sau khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh Đ và chị U vẫn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu thập và quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ và chị U là đúng pháp luật.

[2] Theo tài liệu do nguyên đơn giao nộp làm chứng cứ là bản chính văn bản viết tay có tiêu đề ‘Giấy vay mượn tiền’ ghi ngày 12/9/2017 được anh Đ ký tên có nội dung anh Phạm Thế Đ cùng vợ là Nguyễn Thị U có vay của chị Lê Ánh T 72.000.000 đồng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng (bút lục 14). Về phía chị T cũng khẳng định số tiền 72.000.000 đồng anh Đ ký giấy vay ngày 12/9/2017 là tiền chị T cho anh Đ và chị U vay để làm nhà ở. Mặc dù anh Đ cho rằng anh không vay tiền của chị T nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Qua đó có cơ sở xác định khoản tiền 72.000.000 đồng anh Đ đã ký giấy vay ngày 12/9/2017 là tiền anh Đ và chị U vay của chị T là đúng sự thật.

[3] Theo thỏa thuận của các bên khi xác lập giao dịch, anh Đ và chị U phải trả số tiền 72.000.000 đồng vay ngày 12/9/2017 theo phương thức trả hàng tháng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng và không phải trả lãi. Theo thỏa thuận trên thì anh Đ và chị U phải trả trong 24 kỳ từ tháng 6/2017 đến tháng 10/2019 phải trả hết nợ. Tuy nhiên, anh Đ và chị U mới trả được 48.000.000 đồng, hiện còn nợ 24.000.000 đồng. Vì vậy, việc chị T yêu cầu trả gốc 24.000.000 đồng và nợ lãi do chậm trả theo mức 0,83%/tháng tính từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ là tháng 11/2019 đến tháng 11/2020 với số tiền lãi 2.390.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Hồ sơ vụ án thể hiện anh Đ và chị U kết hôn năm 2011, đã ly hôn theo Quyết định số: 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Di Linh. Do anh Đ và chị U vay tiền của chị T vào ngày 12/9/2017 nên giao dịch này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa anh Đ và chị U đang tồn tại. Căn cứ quy định tại các Điều 27, 37, 60 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì anh Đ và chị U phải cùng có trách nhiệm trả nợ cho chị T. Do chị T khẳng định không yêu cầu chị U

trả nợ mà chị khởi kiện yêu cầu cá nhân anh Đ trả toàn bộ 24.000.000 đồng nợ gốc và 2.390.000 đồng nợ lãi. Do đó, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc anh Đ trả cho chị T $\frac{1}{2}$ nợ gốc với số tiền 12.000.000 đồng và $\frac{1}{2}$ nợ lãi phát sinh tính đến tháng 11/2020 là 1.195.000 đồng. Đối với phần nghĩa vụ trả nợ của chị U, do chị T không yêu cầu chị U trả nợ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để giải quyết. Nếu sau này chị T khởi kiện đối với chị U sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục chung.

[5] Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán với số tiền án phí là: $(12.000.000 \text{ đồng} + 1.195.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 659.000 \text{ đồng}$. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền chị T khởi kiện yêu cầu anh Đ thanh toán nhưng không được chấp nhận với số tiền án phí là: $(12.000.000 \text{ đồng} + 1.195.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 659.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 144, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 27, 37, 60 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. TU xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ánh T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Phạm Thế Đ phải trả cho chị Lê Ánh T 12.000.000 đồng nợ gốc và 1.195.000 đồng nợ lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ánh T về việc yêu cầu anh Phạm Thế Đ phải trả 12.000.000 đồng nợ gốc và 1.195.000 đồng nợ lãi.

3. Buộc anh Phạm Thế Đ phải chịu 659.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc chị Lê Ánh T phải chịu 659.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 674.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số AA/2017/0001504 ngày 12/8/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D. Hoàn trả cho chị Lê Ánh T 15.000 đồng tạm ứng án phí còn lại.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LĐ;
- VKSND huyện D;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án huyện D;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Sỹ